

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST

Ngày: 06- 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phước L, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, Tôn giáo: Tứ Ân Hiếu Nghĩa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Mười (chết) và bà Lâm Thị Mỹ Kim; bị cáo chưa có vợ, con; nhân thân: Ngày 25-11-2010, bị Chủ tịch UBND huyện Tri Tôn ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 3497/QĐ-UB), thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 01/9/2012; Ngày 25/02/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp T sản” (theo Bản án số 14/2014/HSST), ngày 08/10/2015 chấp hành xong hình phạt tù và nghĩa vụ dân sự, án phí; tiền án: Không; tuy nhiên vào ngày 05/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” (theo Bản án số 37/2021/HS-ST) đối với hành vi phạm tội vào ngày 06/6/2021; bị cáo đang chấp hành án tù ngày 29/7/2021 đến nay; tiền sự: Không. Bị cáo có mặt tại phiên tòa. Bị cáo tự bào chữa.

2. Bùi Trường V, sinh năm 2002; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tứ Ân Hiếu Nghĩa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Phước Duyên và bà Trương Thị Liễu; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tuy nhiên vào ngày 05/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp T sản” (theo Bản án số 37/2021/HS-ST) đối với hành vi phạm tội vào ngày 06/6/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/6/2022; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa. Bị cáo tự bào chữa.

Người bị hại: Anh Lê Tấn T, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 23/5/2021, Bùi Trường V hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 67N1-478.66 của cha ruột là ông Bùi Phước D, sau đó điều khiển xe mô tô 67N1- 478.66 đi từ nhà tại ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang đến nơi ở của Nguyễn Phước L tại Khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang và cùng sử dụng trái phép chất ma túy với L. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L rủ V đi tìm T sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì V đồng ý. L lấy 01 cây kéo bằng kim loại dài khoảng 20 cm có tay cầm được bọc lớp nhựa màu vàng và cất giấu trong cốp xe mô tô 67N1-478.66. Sau đó, L điều khiển xe mô tô 67N1-478.66 chở V đi tìm T sản để trộm cắp. Khi đi đến khu vực bến đò Tổng đội thuộc xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh Kiên Giang, do bến đò không hoạt động và chưa tìm được T sản để trộm cắp nên L và V quay trở về hướng huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Lúc này, L giao xe mô tô 67N1-478.66 cho V chở L ngồi phía sau đi về hướng xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Khi đi đến khu vực thuộc ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, L quan sát phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 68D1-456.75, nhãn hiệu Suzuki, loại UV 125Fi, màu đỏ đen, của anh Lê Tấn T đang đậu ở hành lang bên trái nhà ông Trần Văn Thọ, cặp đường lộ nhựa nên L kêu V dừng xe lại. V dừng xe cạnh giới, còn L đi đến chỗ xe mô tô 68D1-456.75 và dẫn chiếc xe ra chỗ V đứng đợi. L kêu V dùng điện thoại chiếu sáng trong lúc L dùng cây kéo cắt giấu trong cốp xe cắt đứt nối đường dây điện ổ khóa của xe mô tô 68D1-456.75. Sau khi đứt nối dây điện, L điều khiển xe mô tô 68D1-456.75 về nơi ở của L cất giấu, còn V điều khiển xe mô tô 67N1-478.66 theo sau

L. Đến khoảng 08 giờ ngày 24/5/2021, L cùng V dùng bình nước sơn màu đen xịt sơn xe mô tô 68D1-456.75 thành màu đen, tháo biển số 68D1-456.75 vứt bỏ xuống kênh và gắn biển số 60B2-172.07 vào xe mô tô 68D1-456.75 nhằm che giấu hành vi phạm tội.

Đến ngày 06/6/2021, L và V đã sử dụng chiếc xe mô tô nói trên làm phương tiện để trộm cắp T sản tại địa bàn xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thì bị lực lượng Công an huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang bắt giữ xử lý. Quá trình điều tra, L và V đã thừa nhận hành vi phạm tội nói trên.

Tại bản kết luận định giá T sản trong tố tụng hình sự số 19/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2021 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện H đã kết luận giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại UV 125Fi, màu đỏ đen, số khung RLSCF4EYNJV102728, số máy F4F3116343; loại xe tay ga, hai bánh vành đúc, thắng đĩa bánh trước, thắng đùm bánh sau, dung tích xi lanh 124cm³, tạo hỗn hợp nhiên liệu đốt bằng hệ thống phun xăng điện tử PGM-Fi, sản xuất tại Việt Nam, mua mới, đăng ký và sử dụng từ ngày 13/02/2018 có giá trị vào thời điểm định giá (ngày 24/5/2021) là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá T sản.

Đối với chiếc xe trộm cắp nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ, sau đó trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Tấn T, theo Quyết định xử lý đồ vật, T liệu số 70/QĐ-CSĐT ngày 05/11/2021 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, T liệu ngày 08/11/2021.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H còn thu giữ vật chứng là 01 biển kiểm soát số 60B2-172.07, bị Nguyễn Phước L và Bùi Trường V dùng gắn vào xe mô tô 68D1-456.75 để làm phương tiện đi trộm cắp T sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xác minh chủ sở hữu, ra thông báo truy tìm nhưng chưa có thông tin xác định nơi cư trú của chủ sở hữu, do đó tiếp tục xác minh xử lý theo quy định.

Đối với cây kéo Nguyễn Phước L đã dùng để cắt đứt nối đường dây điện ổ khóa của xe mô tô 68D1-456.75 và chiếc điện thoại di động mà Bùi Trường V đã dùng để chiếu sáng cho L cắt dây điện, sau khi gây án, L và V đã làm thất lạc, không nhớ rõ ở đâu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H chưa thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự, anh Lê Tấn T đã nhận lại được T sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKS-HĐ ngày 29/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Phước L và bị cáo Bùi Trường V về tội trộm cắp T sản theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội trộm cắp T sản; đồng thời áp dụng Điều 55 và khoản 1, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 05/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang và buộc bị cáo Nguyễn Phước L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Trường V từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội trộm cắp T sản.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, bị cáo L đang chấp hành án, nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: T sản bị trộm cắp là chiếc xe mô tô 68D1-456.75 nhãn hiệu Suzuki, loại UV 125Fi, màu đỏ đen, số khung RLSCF4EYNJV102728, số máy F4F3116343 đã giao trả cho người bị hại anh Lê Tấn T nên đề nghị miễn xét.

Đối với biển kiểm soát xe số 60B2-172.07, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tiếp tục xác minh thông tin về nơi cư trú của chủ sở hữu để xử lý theo quy định.

Đối với cây kéo Nguyễn Phước L đã dùng để cắt đầu nối đường dây điện ổ khóa của xe mô tô 68D1-456.75 và chiếc điện thoại di động mà Bùi Trường V đã dùng để chiếu sáng cho L cắt dây điện, sau khi gây án, L và V đã làm thất lạc, không nhớ rõ ở đâu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H chưa thu giữ được.

- Về trách nhiệm dân sự: T sản bị trộm cắp đã giao trả cho người bị hại và người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với bản ảnh hiện trường, bản ảnh tang vật, kết luận định giá T sản và các T liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Vào khoảng 23 giờ ngày 23/5/2021, Nguyễn Phước L đã rủ rê Bùi Trường V đi tìm T sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, và được V đồng ý. Đến khoảng 02 giờ ngày 24/5/2021, khi hai đối tượng chạy xe mô tô đến khu vực ấp K, xã Shuyện H, tỉnh Kiên Giang, V đã cảnh giới cho L dùng cây kéo cắt đứt nối dây điện ổ khóa xe mô tô 68D1-456.75, trị giá 18.000.000 đồng của anh Lê Tần T nhằm trộm cắp chiếc xe trên đem đi làm phương tiện để thực hiện vụ án trộm cắp T sản khác. Như vậy, hành vi lén lút trộm cắp T sản có giá trị 18.000.000 đồng của L và V đã phạm vào tội “Trộm cắp T sản” được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự, do đó Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo ra trước Tòa án để xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ nhận thức để biết quyền sở hữu T

sản hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ và Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp quyền sở hữu T sản của người khác, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, sử dụng T sản không phải bỏ công sức lao động, bị cáo L đã rủ rê bị cáo V đi trộm cắp T sản của anh Lê Tấn T, T sản trộm cắp là chiếc xe mô tô 68D1-456.75 nhãn hiệu Suzuki, loại UV 125Fi, màu đỏ đen, số khung RLSCF4EYNJV102728, số máy F4F3116343, có giá trị 18.000.000 đồng. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, biết quý trọng sức lao động của bản thân và của người khác. Trong vụ án này, bị cáo L là người chuẩn bị công cụ phạm tội, rủ rê bị cáo V đi trộm cắp T sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, còn bị cáo V tuy bị rủ rê nhưng đã giúp sức tích cực cho bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp, do đó cần áp dụng chế T hình sự tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần xử phạt bị cáo L mức án nghiêm khắc hơn bị cáo V nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo nên xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] Xét lời luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Tấn T đã nhận lại T sản trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về xử lý vật chứng: T sản bị trộm cắp là chiếc xe mô tô 68D1-456.75 nhãn hiệu Suzuki, loại UV 125Fi, màu đỏ đen, số khung RLSCF4EYNJV102728, số máy F4F3116343 đã giao trả cho người bị hại anh Lê Tấn T nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với biển kiểm soát xe số 60B2-172.07, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tiếp tục xác minh thông tin về nơi cư trú của chủ sở hữu để xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cây kéo L đã dùng để cắt đầu nối đường dây điện ở khóa của xe mô tô 68D1-456.75 và chiếc điện thoại di động V đã dùng để chiếu sáng cho L cắt dây điện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H chưa thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299 và khoản 6, Điều 326, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phước L và bị cáo Bùi Trường V phạm tội “Trộm cắp T sản”.

2. Áp dụng: khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phước L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng Điều 55 và khoản 1, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 05/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, buộc bị cáo Nguyễn Phước L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/7/2021.

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Trường V 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 31/8/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Tấn T không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

4. Về xử lý vật chứng: T sản bị trộm cắp là chiếc xe mô tô 68D1-456.75 nhãn hiệu Suzuki, loại UV 125Fi, màu đỏ đen, số khung RLSCF4EYNJV102728, số máy F4F3116343 đã giao trả cho người bị hại anh Lê Tấn T nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Phước L và bị cáo Bùi Trường V mỗi người phải chịu 200.000 đồng

(hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại anh Lê Tấn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan CSĐT CA huyện H;
- Nhà tạm giữ CA huyện H;
- Phòng Hộ tịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai